TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 10/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Hải
2. Bà Hứa Thị Nhị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1977; có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982; có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
2. Bà Cao Thị M, sinh năm 1957; có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Ngày 03/02/2016 âm lịch (nhằm ngày 11/3/2016 dương lịch) anh Nguyễn Xuân T và chị Vũ Thị H1 có vay của chị Trần Thị H số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*. Khi vay hai bên có lập thành 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/02/2016 âm lịch có chữ ký của anh T, chị H1. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, anh T và chị H1 hẹn đến ngày 03/12/2016 sẽ trả cho chị H

nhưng đến hẹn không trả, mặc dù đã được đòi nhiều lần; Nguồn gốc số nợ là ngày 08/01/2015 âm lịch (nhằm ngày 26/02/2015 anh T và chị H1 vay nhưng đến cuối năm 2015 không trả được nên mới viết lại giấy vay như đã T bày. Quá T vay chị H1 có trả cho chị H 42.000.000đ tiền lãi (trong đó đầu năm 2016 trả 18.000.000đ, ngày 12/3/2017 âm lịch trả 10.000.000đ và tháng 11/2017 trả 14.000.000đ), thời hạn tính lãi tính từ ngày 08/01/2015 đến ngày 12/3/2017. Ngày 13/12/2017 anh T và chị H1 ly hôn, hai bên thỏa thuận giao tài sản hết cho chị H1 nên chị H1 phải có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, ngày 07/01/2018 giữa chị H, chị H1 và anh T thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ, nội dung là khoản nợ nêu trên do chị Vũ Thị H1 có trách nhiệm trả cho chị H, anh T không còn liên quan đến khoản nợ này nữa. Chị H đã làm đơn thay đổi yêu cầu là buộc chị H1 trả toàn bộ số nợ và rút yêu cầu đối với anh T. Từ khi vay đến nay chị H1 không trả cho chị H khoản tiền gốc nào, tiền lãi đã trả chị H không có ý kiến gì. Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc chị Vũ Thị H1 trả cho chị H 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày 13/3/2017 (tức ngày 07/4/2017 dương lịch) đến nay, về lãi suất yêu cầu không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy đinh.

Trong bản tự khai ngày 07/01/2018 và quá T làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Vũ Thị H1 trình bày: Ngày 03/02/2016 âm lịch chị H1 và anh T có vay của chị Trần Thị H số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay có lập 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/02/2016 âm lịch. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, hẹn đến ngày 03/12/2016 sẽ trả. Nguồn gốc của số nợ này là vào ngày 08/01/2015 âm lịch (nhằm ngày 26/02/2015) anh T và chị H1 vay nhưng đến hạn không trả được gốc nên mới viết lại giấy vay như trình bày trên. Quá trình vay, anh T và chị H1 đã trả tiền lãi cho chị Trần Thị H 03 lần là 45.000.000đ, thời gian trả lãi như chị H trình bày, tuy nhiên lần thứ nhất đầu năm 2016 là chị H1 trả 21.000.000đ không phải 18.000.000đ như chị H trình bày. Ngày 13/12/2017 anh T và chị H1 ly hôn và thỏa thuận miệng với nhau là tài sản giao hết cho chị H1 và chị H1 có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ liên quan. Ngày 07/01/2018 giữa chị H, chị H1 và anh T thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ từ anh T sang hết cho chị H1. Căn cứ giấy vay thì chị H1 thừa nhận còn nợ chị H số tiền gốc là 70.000.000.000đ, tuy nhiên khoản lãi chị đã trả là cao so với quy định của pháp luật. Vì vậy, chị H1 chỉ đồng ý trả lãi là không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay là 08/01/2015 âm lịch đến ngày xét xử, còn lại bao nhiêu được trừ vào số tiền gốc cho chị và chị H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H theo quy định.

Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 anh Nguyễn Xuân T trình bày: Ngày 03/02/2016 âm lịch chị H1 và anh T có vay của chị Trần Thị H số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/02/2016 âm lịch. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, hẹn đến ngày 03/12/2016 sẽ trả. Ngày 13/12/2017 anh T và chị H1 ly hôn và thỏa thuận miệng với nhau là chị H1 trả hết toàn bộ các khoản nợ liên quan. Ngày 07/01/2018 giữa chị H, chị H1 và anh T thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ từ anh T sang cho chị H1 có trách nhiệm trả hết khoản nợ này và chị H đã đồng ý. Đồng thời chị H đã có đơn thay đổi yêu cầu là buộc chị H1 phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định, rút yêu cầu đối với anh T. Vì vậy, hiện nay anh T không còn liên quan gì đến vụ án.

Tại phiên tòa người làm chứng bà Cao Thị M trình bày: Vào ngày 12/3/2017 âm lịch bà M được chị H1 nhờ sang nhà chị H trả thay cho chị H1 số tiền lãi là 10.000.000đ. Việc vay mượn như thế nào thì bà không biết.

Quá trình thu thập chứng cứ, chị Trần Thị H cung cấp cho Tòa án 01 giấy ghi nội dung vay tiền đề ngày 03/02/2016 âm lịch có chữ ký của chị H1 anh T và 01 biên bản thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ ngày 07/01/2018 có chữ ký của chị H, anh T và chị H1.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn, người làm chứng chưa chấp hành tốt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 315,Điều 316, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

Buộc Chị Vũ Thị H1 trả cho chị Trần Thị H số tiền gốc còn nợ là 70.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX tính lại lãi suất từ ngày 08/01/2015 đến ngày xét xử theo quy định, số tiền lãi còn lại được trừ vào gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Trần Thị H khởi kiện chị Vũ Thị H1 trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Chị Vũ Thị H1 hiện đang cư trú tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Chị Vũ Thị H1 hẹn đến ngày 13/12/2016 sẽ trả nợ cho chị Trần Thị H. Kể từ thời điểm chị Vũ Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm

chị Trần Thị H khởi kiện ngày 26/12/2017 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005.

[3] Tại đơn khởi kiện bà H khởi kiện anh T với tư cách bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, trước khi công khai chứng cứ và hòa giải chị H, anh T và chị H1 đã có văn bản chuyển nghĩa vụ trả nợ, toàn bộ số nợ chị H1 là người có trách nhiệm trả hết cho chị H. Vì vậy, Chị H đã làm đơn thay đổi yêu cầu và rút yêu cầu khởi kiện với anh T. Căn cứ điều 315, Điều 316 BLDS năm 2005 thì khi chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Vì vậy, anh T không còn liên quan trong vụ án là phù hợp với pháp luật.

[4] Xét nội dung tranh chấp: Ngày 03/02/2016 âm lịch (nhằm ngày 11/3/2016 dương lịch) chị Trần Thị H cho anh Nguyễn Xuân T, chị H1 vay số tiền 70.000.000 đồng. Chị H1 và anh T hẹn đến ngày 03/12/2016 (âm lịch) sẽ trả cho chị H. Khi vay hai bên có lập giấy tờ vay tiền và có chữ ký của anh T và chị H1. Anh T, chị H1 thừa nhận nội dung và chữ ký của mình. Ngày 13/12/2017 chị H1 và anh T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 104/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Ngày 07/01/2018 giữa chị Trần Thị H, anh Nguyễn Xuân T, chị Vũ Thị H1 có thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nội dung toàn bộ khoản nợ nói trên chị Vũ Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị H. Ngày 02/02/2018 chị Trần Thị H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc chị Vũ Thị H1 trả cho chị H toàn bộ số nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi phát sinh. Quá T từ thời điểm vay cho đến nay chị H1 chưa trả cho chị H được khoản tiền gốc nào nên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về yêu cầu lãi suất: Do các bên thỏa thuận lãi suất vay 2,5% là cao so với quy định của pháp luật. Đối với giao dịch này các bên đang thực hiện nhưng nội dung khác với quy định của BLDS năm 2015 nên căn cứ thời điểm giao dịch thì áp dụng BLDS năm 2005 để giải quyết. Tại phiên tòa chị H thừa nhận quá trình vay, chị H1 trả cho chị H 42.000.000đ, chị H1 thì khai là 45.000.000đ nhưng lại không có chứng cứ, chứng minh là lần thứ nhất vào đầu năm 2016 trả 21.000.000đ. Căn cứ lời trình bày của chị H và các chứng cứ khác như lời khai bà M, trong giấy gốc cung cấp cho Tòa án có ghi là trả 18.000.000đ (đã gạch ngang) thì lời khai của chị H về việc trả lãi là phù hợp. Tại phiên tòa chị H yêu cầu tính lãi suất không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định và chị H1 cũng đồng ý với yêu cầu trả lãi này của chị H, thời gian chị H1 đồng ý trả lãi từ ngày 08/01/2015 âm lịch đến ngày xét xử, trường hợp nếu tiền lãi sau khi được trừ đi còn lại dư ra thì yêu cầu được trừ vào gốc. Xét việc thỏa thuận và yêu cầu này của chị H1 là phù hợp với pháp luật quy định tại điểm a khoản 2 Điều 205 BLTTDS nên chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng".

Tại Quyết định số 2868/QQĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự HĐXX xét thấy cần tính lại phần lãi suất mới phù hợp với quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 08/01/2015 (nhằm ngày 26/02/2015) đến ngày xét xử, cụ thể: [70.000.000đ x [0,75%/ tháng x 150 %] x [41

tháng + 15 ngày] = [70.000.000đ x 1,125% x 41 tháng + 15 ngày = 32.681.000đ (làm tròn số).

Số tiền lãi chị Vũ Thị H1 đã trả là: 42.000.000đ – 32.681.000đ (tiền lãi phải trả) = 9.319.000đ.

Vậy số tiền lãi chị H1 trả dư còn lại được trừ vào gốc là: 70.000.000đ – 9.319.000 đ = 60.681.000đ.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần: Buộc chị Vũ Thị H1 có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị H số tiền gốc còn lại là 60.681.000đ (Sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được chấp nhận nên chị Vũ Thị H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 60.681.250đ x 5% = 3.034.062 đồng (làm tròn 3.034.000đ *(Ba triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng).*

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 315, Điều 316, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Buộc chị Vũ Thị H1 phải trả cho chị Trần Thị H số tiền gốc còn nợ là 60.681.000đ (Sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.Về án phí: Buộc chị Vũ Thị H1 phải chịu 3.034.000đ *(Ba triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trần Thị H 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001848 ngày 27/12/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Hoàng Thị Thu Hà